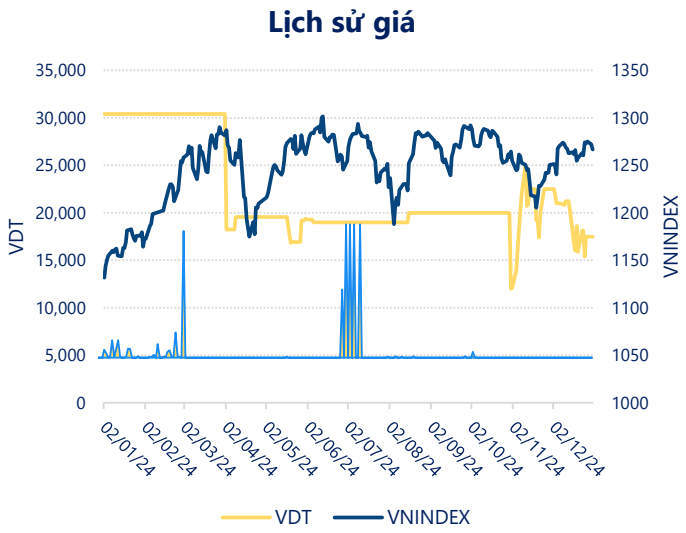
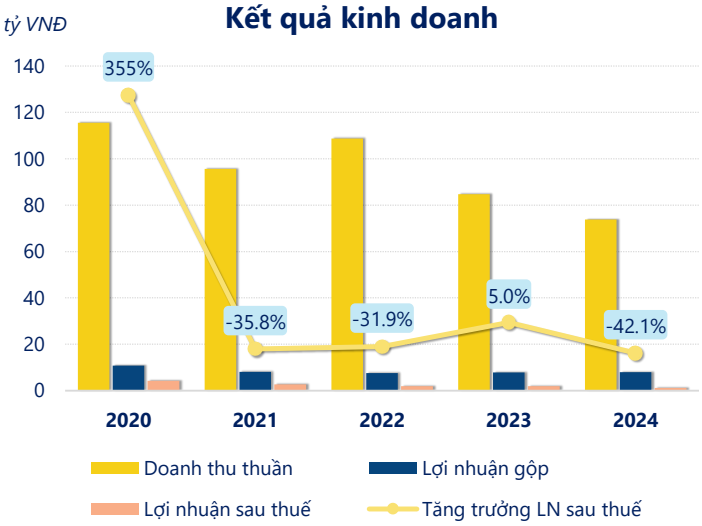
# KẾT QUẢ KINH DOANH

| Ngày 31/12/2024 | 17,500 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| **Thay đổi** | *1 tháng* | *3 tháng* | *6 tháng* |
| | - | - | -7.9% |

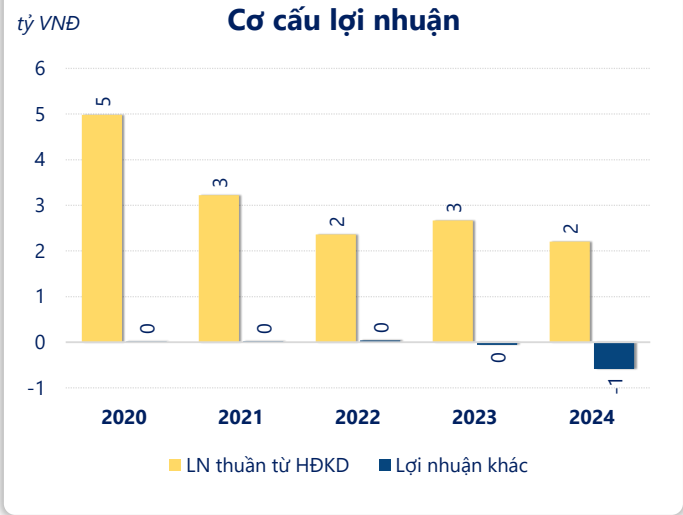
| | 2024 | YoY |
|---|---|---|
| **DT thuần** | 73.8 tỷ VNĐ | ▼ 10.9<br>▼ 12.9% |
| **LN gộp** | 8.02 tỷ VNĐ | ▲ 0.17<br>▲ 2.1% |
| **LN thuần** | 2.21 tỷ VNĐ | ▼ 0.46<br>▼ 17.3% |
| **LN sau thuế** | 1.15 tỷ VNĐ | ▼ 0.83<br>▼ 42.1% |
| **ROE** | 4.2% | +/- YoY<br>▼ 3.2% |
| **ROA** | 3.6% | +/- YoY<br>▼ 2.7% |

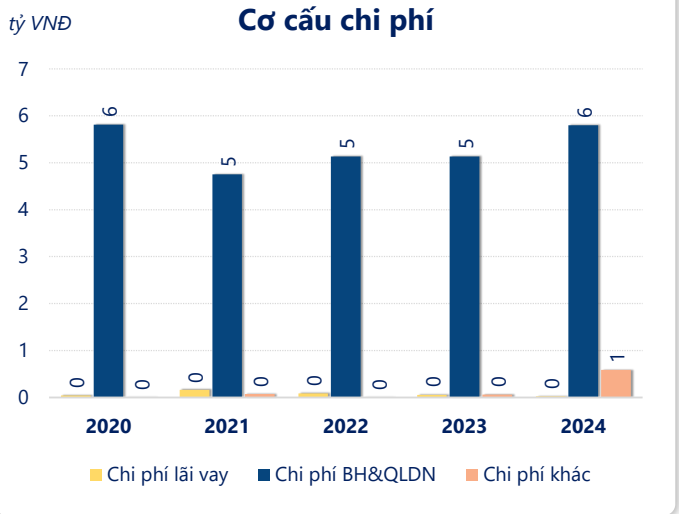



Kết quả kinh doanh **VDT** năm **2024**, doanh thu thuần **giảm mạnh 12.9%** chỉ còn **73.77** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 42.1%** chỉ còn **1.15** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **4.19%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

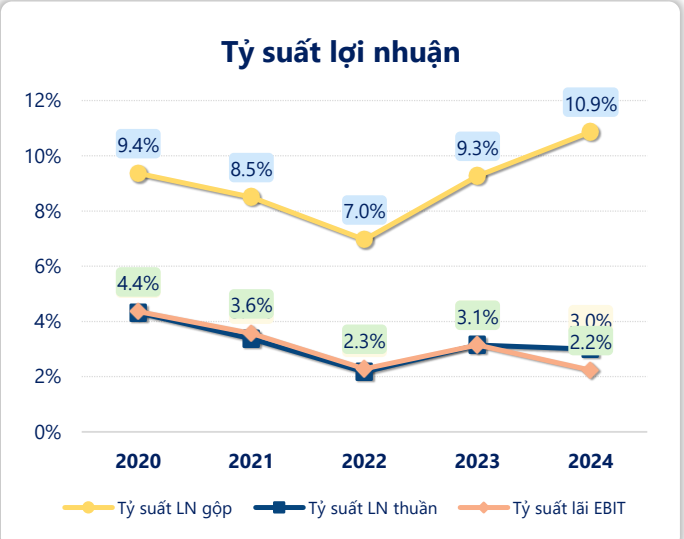


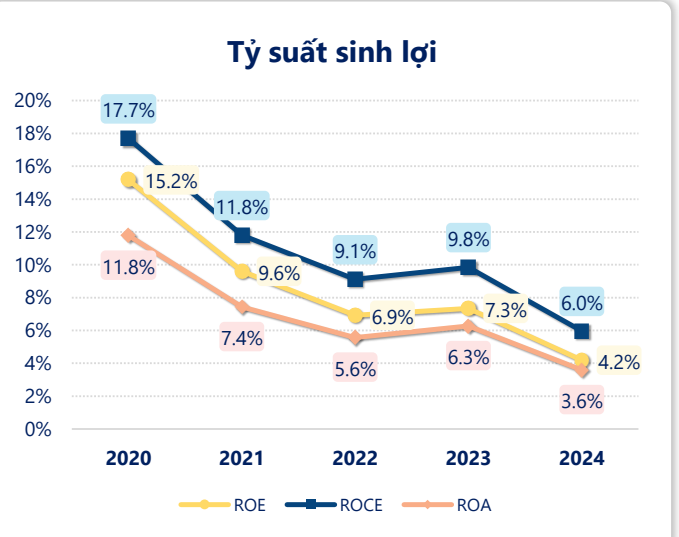




Năm **2024**, **VDT** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **2.21** tỷ đồng, **giảm đi 0.46** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (3.09 tỷ đồng) là 0.88 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

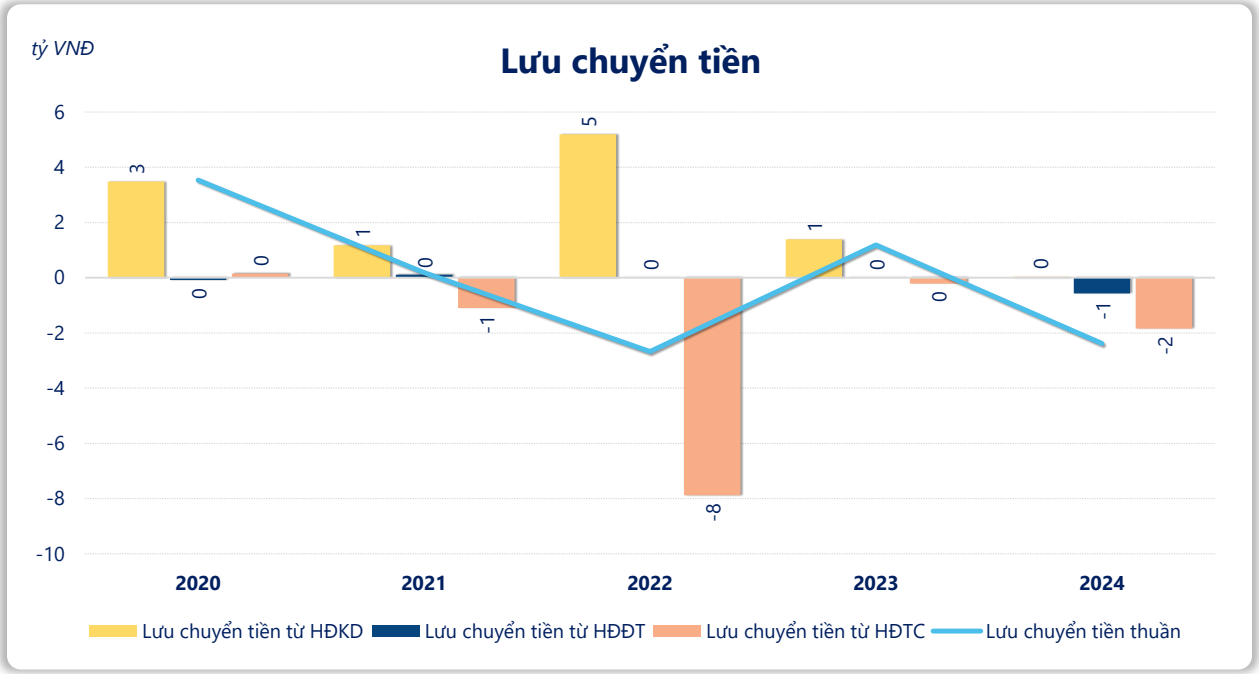
**Chi phí lãi vay giảm xuống** so với năm trước, còn **0.03** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **5.80** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.59** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

**ROE** của VDT năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **4.19%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | **116** | **95.6** | **109** | **84.7** | **73.8** |
| Giá vốn hàng bán | 105 | 87.5 | 101 | 76.9 | 65.8 |
| **Lợi nhuận gộp** | **10.8** | **8.13** | **7.57** | **7.85** | **8.02** |
| Doanh thu HĐTC | 0.02 | 0.01 | 0.01 | 0.01 | 0.01 |
| Chi phí TC | 0.04 | 0.16 | 0.09 | 0.06 | 0.03 |
| **Chi phí lãi vay** | **0.04** | **0.16** | **0.09** | **0.06** | **0.03** |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 0.25 | 0.16 | 0.28 | 0.24 | 0.22 |
| Chi phí QLDN | 5.57 | 4.59 | 4.86 | 4.89 | 5.57 |
| **LN thuần từ HĐKD** | **4.98** | **3.22** | **2.36** | **2.67** | **2.21** |
| Lợi nhuận khác | 0.01 | 0.02 | 0.04 | -0.06 | -0.58 |
| **LN trước thuế** | **4.99** | **3.24** | **2.40** | **2.61** | **1.62** |
| **Lợi nhuận sau thuế** | **4.31** | **2.77** | **1.89** | **1.98** | **1.15** |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | **4.31** | **2.77** | **1.89** | **1.98** | **1.15** |




**Lưu chuyển tiền thuần** năm 2024 của VDT bằng **-2.38** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (1.18 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **0.04** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-0.57** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-1.84** tỷ đồng.